TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **404**/2024/HS-PT
Ngày: 27-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ký

Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 233/2024/TLPT-HS, ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Đình N, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình N, kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2024/HS-ST, ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Nguyễn Đình N, sinh ngày 21/3/1993 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Khu phố S, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T1, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ là Lý Thị Hiếu T2, sinh năm 1996 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/9/2011, bị TAND tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" và "Hiếp dâm", chấp hành xong hình phạt vào năm 2014.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2023 và tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghĩ Nguyễn Phương K, sinh năm: 1991 thường trú: ấp A, xã X, huyện C trước kia có nhắn tin trên facebook trêu ghẹo vợ mình là Lý Thị Hiếu T2 nên Nguyễn Đình N thù tức, nảy sinh ý định đốt quán bà Nguyễn Thị Lệ T (mẹ ruột của K) để trả thù. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng hơn 20 giờ ngày 20/5/2023, N điều khiển xe mô tô hiệu Vision, biển số 60B6-737.42 đi từ nhà theo đường mòn phía sau nhà đến Ki ốt bán hàng của bà Nguyễn Thị Lệ T, trước cổng Trung tâm y tế huyện C mục đích để đốt quán bà T. Khi đến nơi, N dừng xe, mở cốp xe lấy 01 chai nước ngọt bằng nhựa hiệu Cocacola dung tích 1,5 lít và mở nắp xăng xe hút xăng qua được 1/5 chai nhựa thì N cầm đi đến đứng cách quán bà T 01 mét, tạt xăng từ dưới lên trên về phía cửa quán. Sau khi tạt xăng, Nam châm lửa đốt vào miệng chai rồi ném về phía quán bà T làm bùng lửa cháy thì N ra lấy xe đi về. Lúc này, anh Nguyễn Văn K1, anh Đào Anh Tuấn, anh Nguyễn Đinh Anh K2, phát hiện thấy lửa cháy lớn nên đã cùng nhau dập lửa kịp thời. Hậu quả: Cánh cửa quán bằng tôn và khung cửa làm bằng cây gỗ bị cháy xém đen, diện tích cháy 2,4m x 1m và làm một vài vật dụng như ca, ly nhựa bị lửa bén trúng làm biến dạng. Bà T đã báo Công an xã L và bà xác định không bị thiệt hại gì về tài sản.

Lần 2: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 27/6/2023, N tiếp tục nảy sinh ý định đốt quán của bà T. Thực hiện ý định trên, N đi ra phía sau nhà lấy 01 đoạn ruột xe đạp bằng cao su, màu đen, dài khoảng 50cm và 01 cái bật lửa, màu vàng. Sau đó, N bỏ đoạn ruột xe đạp vào trong 01 bịch nylon màu xanh rồi nhét vào trong

túi quần đùi jean, màu xám bên phải N đang mặc, còn bật lửa N bỏ vào túi quần bên trái và lấy 01 cái đèn pin (loại đèn pin có dây trên đầu), màu nâu, có dây cao su màu rằn ri rồi đeo đèn pin lên đầu và đi bộ ra con đường mòn ở phía sau nhà để đi đến quán nước của bà T trước cổng Trung tâm y tế huyện C cách nhà N khoảng 200 mét. Khi đến quán nước của bà T, N quan sát thấy bà Trương Thị L là chủ quán bán nước giải khát kế bên quán nước của bà T đang quét dọn trước quán. N chờ cho bà L đi vào bên trong quán rồi đến đứng ngay vách bên trái quán nước của bà T theo hướng từ bên ngoài vào bên trong quán. Sau đó, N lấy đoạn ruột cao su đã chuẩn bị sẵn, đặt lên trên đoạn dây xích giữa 02 cây cột của vách bên trái ki ốt, để cho 02 đầu đoạn ruột xe thòng xuống dưới đất rồi dùng tay trái lấy bật lửa và châm lửa đốt đầu đoạn cao su phía bên trong quán. Khi đầu đoạn cao su cháy thì N dùng tay phải cầm đoạn ruột cao su đang cháy đưa qua khe hở rộng giữa 02 cây cột bên vách trái của ki ốt, thả xuống nền phía bên trong quán. Sau đó, N tiếp tục ném bịch nylon cùng bật lửa vào vị trí đoạn cao su đang cháy để tạo thêm chất cháy rồi nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường đi thẳng về nhà, bỏ mặc cho lửa cháy ở quán nước của bà T và không quan tâm đến hậu quả thiệt hại xảy ra. Hậu quả quán của bà T bị cháy hoàn toàn.

+ Kết luận giám định số 1557/KL ngày 31/7/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh Đ kết luận: Vùng cháy đầu tiên và điểm xuất phát cháy ở khu vực hướng Đông Bắc của Ki ốt, nguyên nhân cháy do tác động của con người, dùng mồi lửa đốt chất cháy (vải, cao su…) bỏ vào Ki ốt gây cháy, rồi cháy lan gây ra vụ cháy.

+ Tại Kết luận giám định giá trị tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 04/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận tài sản bị thiệt hại (khung nhà Ki ốt) trong vụ cháy ngày 27/6/2023 là 36.016.640 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm mười sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

+ Tại Kết luận giám định giá trị tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 20/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận thiệt hại tài sản (hàng tiêu dùng) có giá trị là 15.259.007 đồng (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi chín nghìn không trăm linh bảy đồng).

** Việc thu giữ và xử lý vật chứng:*

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu giữ của Nguyễn Đình N. Quá trình điều tra xác định điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội, đo đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C đã trả lại cho Nguyễn Đình N theo quy định.

- 01 đoạn ống nhựa dài 90cm. Quá trình điều tra xác định đây là đoạn ống hút mà Nguyễn Đình N sử dụng để hút xăng ở chai nước ngọt hiệu Cocacola để thực hiện hành vi đốt quán bà T ngày 20/5/2023.

- 01 áo sơ mi ngắn tay màu đen; 01 quần Short màu xám. Quá trình điều tra xác định đây là quần áo mà Nguyễn Đình N đã mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 đèn pin, loại đèn đội trên đầu. Quá trình điều tra xác định sau khi gây án, Nguyễn Đình N đi về nhà và ném đèn pin vào khu vực nào trong nhà không nhớ rõ. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

- 01 bật lửa; 01 đoạn ruột xe bằng cao su dài khoảng 50cm; 01 bịch ny long màu xanh. Quá trình điều tra xác định, Nguyễn Đình N đã sử dụng đốt quán bà T và cháy hoàn toàn nên không thu hồi được.

- 01 đoạn file video có tiêu đề "video1" ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của N.

* *Về trách nhiệm dân sự:* bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu Nguyễn Đình N bồi thường số tiền 118.623.640 đồng (Một trăm mười tám triệu sáu trăm hai mươi bà nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) và bồi thường thu nhập bị mất số tiền 300.000 đồng x 20 ngày = 6.000.000 đồng. Nguyễn Đình N không đồng ý số tiền bồi thường nêu trên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 24/4/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 26/2024/TB-TA ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai đã áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình N 03 (Ba) năm tù** về tội *"Hủy hoại tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

* *Về kháng cáo:*

- Ngày 04/5/2024, bị cáo Nguyễn Đình N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 05/5/2024, bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình N và tăng mức bồi thường dân sự theo yêu cầu của người bị hại tại giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo, bị hại.

** Về kháng nghị:*

Ngày 07/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 143/QĐ-VKSCM đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Xét xử bị cáo Nguyễn Đình N theo điểm b khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tăng số tiền bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm vụ án:

Về hình thức và thời hạn kháng cáo, kháng nghị đảm bảo đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

- Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng số hàng hóa trong Kiốt của người bị hại bà T không thể xác định được số lượng và là những hàng hóa nào; các biên bản lấy lời khai của người bán hàng cho bà T cũng chỉ ước chừng số lượng hàng hóa mà bà T mua; việc mua bán giữa bà T và những người bán hàng cũng không có hóa đơn, chứng từ; không có sổ theo dõi; số lượng hàng hóa bán ra, mua vào không xác định được. Ngoài lời khai của người bán, lời khai của bà T không có chứng cứ gì khác để chứng minh là có những hàng hóa đó trong quán bà T vào thời điểm xảy ra cháy... Xét giá trị tài sản bị thiệt hại là hàng hóa bị hủy hoại. Do hóa đơn chứng từ liên quan đến việc nhập hàng, bà T để trong quán đã bị cháy hết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Nai xác định tài sản trong Kiốt dựa trên các dấu vết, vật chứng thu giữ được khi khám nghiệm hiện trường. Bản ảnh hiện trường thể hiện có rất nhiều vỏ lon chai nước ngọt, nước có ga... trong K3 bị cháy rụi, biến dạng để lại hiện trường. Lời khai của người bị hại phù hợp với kết quả xác minh tại các cơ sở, cửa hàng bà T nhập hàng, xác định khoảng thời gian lấy hàng hóa hàng tuần và những mặt hàng bà T đã nhập, bán ra để làm căn cứ định giá tài sản chứ không chỉ dựa vào lời khai duy nhất của người bị hại.

Điều 219 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về Định giá tài sản trong trường hợp tài sản bị thất lạc hoặc không còn như sau: *"Trường hợp tài sản cần định giá bị thất lạc hoặc không còn thì việc định giá tài sản được thực hiện theo hồ sơ của tài sản trên cơ sở các thông tin, tài liệu thu thập được cần*

định giá" và tại điểm d Điều 17 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP Của Chính Phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản cũng quy định: *"...d. Tài sản bị mất, thất lạc; tài sản bị hủy hoại, hư hỏng toàn bộ và không có khả năng khôi phục lại tình trạng của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng: Hội đồng định giá xác định giá của tài sản theo hồ sơ của tài sản trên cơ sơ các thông tin, tài liệu thu thập được về tài sản cần định giá;".*

Như vậy, cho thấy việc thu thập tài liệu, chứng cứ để tiến hành định giá của Cơ quan điều tra đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện bị hại bà T luôn để hàng hóa trong Kiốt để mua bán hàng ngày, không mang đi cất giữ ở bất kỳ chỗ nào khác; thiệt hại của vụ cháy là có thật, bao gồm khung nhà K3 và hàng hóa. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ quy buộc bị cáo N chịu trách nhiệm đối với khung nhà K3 mà không phải chịu trách nhiệm đối với giá trị hàng hóa bị hủy hoại là chưa toàn diện, khách quan, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị hại.

Mặt khác, tại cấp sơ thẩm bị hại bà T yêu cầu bị cáo N bồi thường 82.607.000 đồng giá trị hàng hóa bị hư hỏng nhưng qua xem xét, đối chiếu, Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai chỉ quy buộc bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số hàng hóa có giá trị 15.259.007 đồng là hợp lý và có lợi cho bị cáo. Bên cạnh đó, kết quả xét hỏi công khai đối với bị cáo N tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 25/01/2024, bị cáo cũng xác định giá trị tài sản bên trong quán Kiốt bán hàng của bà T có giá trị 15.259.007 đồng theo Kết luận định giá là phù hợp.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các Kết luận định giá, xác định tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 51.275.647 đồng (36.016.640 đồng + 15.259.007 đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N và bị hại bà T đã thỏa thuận bồi thường thêm về số tiền giá trị tài sản bị thiệt hại là 15.259.007 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện giữa hai bên.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a, b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để quyết định như sau:

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình N; giữ nguyên mức án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T theo hướng tăng thêm số tiền mà bị cáo N và bị hại bà T đã thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm là 15.259.007 đồng.

- Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo hướng xét xử bị cáo Nguyễn Đình N theo điểm b khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tăng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T về phần giá trị tài sản bị thiệt hại theo Kết luận giám định số 43 ngày 20/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Đồng Nai (cụ thể là số tiền 15.259.007 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình N, kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 27/6/2023, tại Kiốt bán hàng của bà Nguyễn Thị Lệ T trước cổng Trung tâm y tế huyện C thuộc Khu phố S, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Đình N đã có hành vi dùng một đoạn ruột xe đạp mồi lửa rồi ném vào bên trong Kiốt đốt cháy quán của bà Nguyễn Thị Lệ T. Hậu quả theo Kết luận giám định giá trị tài sản số 24 ngày 04/7/2023 và số 43 ngày 20/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Đồng Nai xác định gây thiệt hại về tài sản của bà T là 51.275.647 đồng (bao gồm khung nhà Kiốt 36.016.640 đồng và hàng hóa 15.259.007 đồng).

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn Đình N đã bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội "Hủy hoại tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai:

Toà án cấp sơ thẩm chỉ xác định thiệt hại là khung nhà K3 36.016.640 đồng do cho rằng với những chứng cứ trong hồ sơ không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc bị cáo N đã hủy hoại các tài sản theo Bản Kết luận giám định số 43/KL-HĐĐG ngày 20/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Đồng Nai, cụ thể là hàng hóa trị giá 15.259.007 đồng. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa đủ cơ sở. HĐXX cấp phúc thẩm xét căn cứ Điều 219 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về định giá tài sản và điểm d Điều 17 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản, thì việc thu thập tài liệu, chứng cứ để tiến hành định giá của Cơ quan điều tra bảo đảm đúng quy định của pháp luật, nên hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình N đã gây thiệt hại là 51.275.647 đồng, phạm vào điểm b *"Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* theo khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó chấp nhận kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về khung hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo theo kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo nhận thức được việc hủy hoại tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Chỉ vì bản thân bị cáo cho rằng mình tức giận với Nguyễn Phương K (con của người bị hại bà T) nhưng lại đốt quán của bà T và cố tình đốt đến 02 lần trong khi bị cáo và bà T không có mâu thuẫn. Cho thấy, hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ, coi thường pháp luật. Do đó, cần xử mức án nghiêm nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nên tuy hành vi bị cáo phạm vào điểm b khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng xét mức hình phạt 03 (Ba) năm tù mà Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ của bị cáo và kháng cáo tăng mức hình phạt của người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N và người bị hại đã thoả thuận bị cáo chấp nhận bồi thường thêm về số tiền trị giá tài sản (là hàng hoá) bị thiệt hại là 15.259.007 đồng và người bị hại thống nhất, Hội đồng xét xử

phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện giữa hai bên. Như vậy, bị cáo phải bồi thường cho người bị hại với tổng số tiền thiệt hại là 51.275.647 đồng và số tiền thu nhập bị mất là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 57.275.647 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh tại phiên tòa phù hợp quy định của pháp luật về tăng khung hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận. Về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm ghi nhận số tiền bồi thường được các bên thoả thuận tại phiên toà.

[5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo N phải chịu 2.863.782 đồng án phí dân sự sơ thẩm (57.275.647 đồng x 5%).

Do kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T được chấp nhận một phần nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a, b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình N;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai về khung hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2024/HS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Đình N** **03 (Ba) năm tù** về tội *"Hủy hoại tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 29/6/2023.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm

2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 57.275.647 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 2.863.782 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Cẩm Mỹ (2);
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Cơ quan THAHS - CA H. Cẩm Mỹ;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ sở giam giữ - Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Triệu Thị Huỳnh Hoa